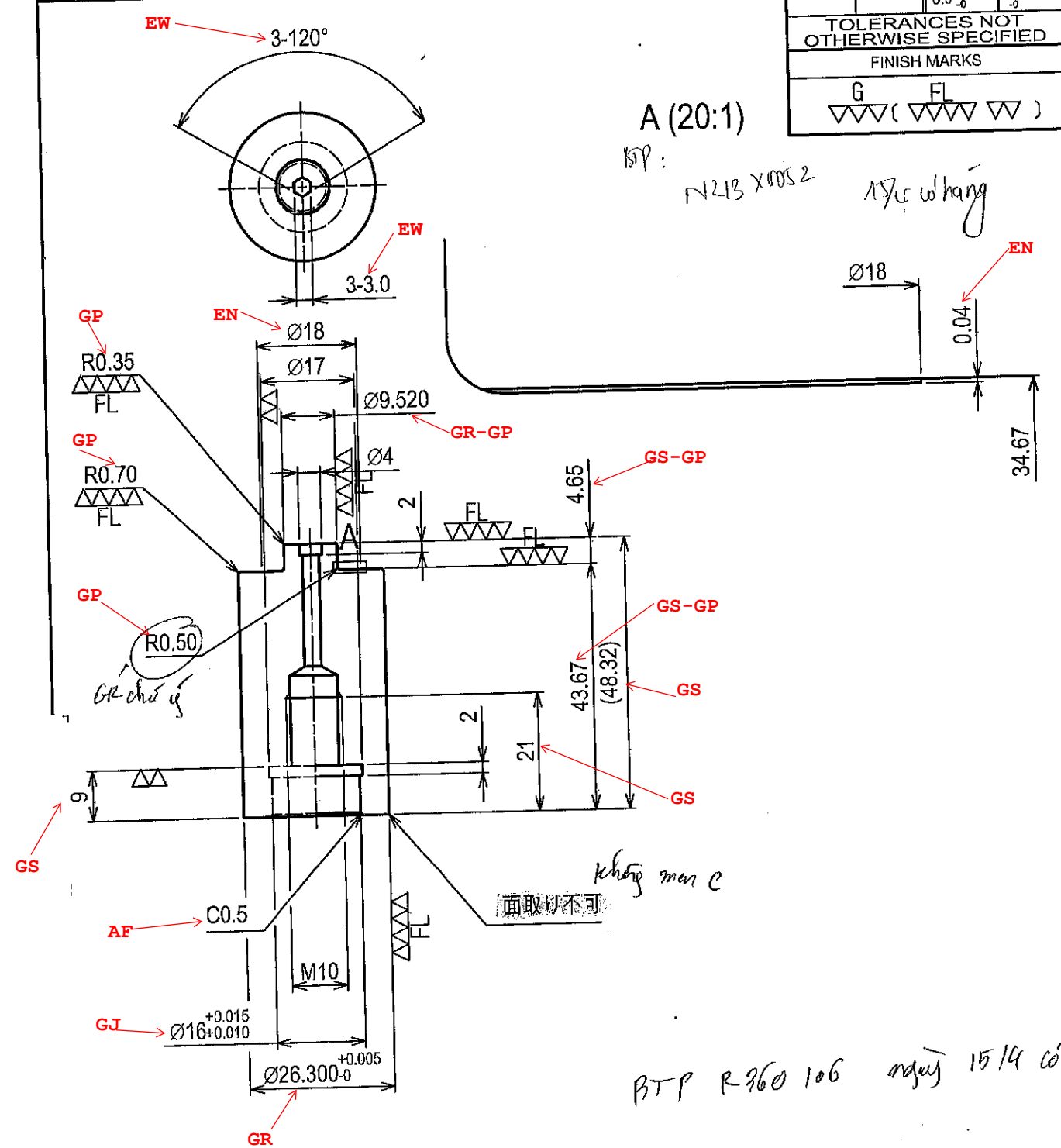


MV

10/18

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.
init.						
△						
△						
△						

CUTTING TOLERANCE			
0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
		0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
G FL ▽▽▽ (▽▽▽▽▽)			



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Indei_Kazuhiro	WC(D30/HIP)	1:1	部品図 PART DRAWING	パンチ PUNCH
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	冲头 冲頭
Nakamura_Keita	QUENCH&TEMPER	A4V	DATE	DWG.No.
DWN.	HRC ~	A4V	2020/02/25	R360106

SNO: **R360106**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R360106	GR:180 GS:80 GJ:150 EW:60 GP:120 EN:60 AF:20 KT